

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS - ST

Ngày: 14.01.2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Tám và bà Lê Thị Nhó

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Lê Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Lam Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 (cơ sở 1), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2025/QĐST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (BV B1); Trụ sở: Tòa nhà HM T, D N, phường B, TP ..

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Kim A; Địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố Đà Nẵng (*Giấy ủy quyền 217/25/BVBank/UQ-QL&THN ngày 25.02.2025*). Ông T1 có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Trà M – sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ D H, phường T, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện nay: Số A B, tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa - ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày:***

Ngày 27/11/2023, bà Trần Thị Trà M ký với Ngân Hàng TMCP B giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng điện tử số 06923072204ĐT và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B, Ngân hàng đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào hồ sơ của bà Trần Thị Trà M, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà M. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện 9 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 92.699.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 6 giao dịch bao gồm gốc, lãi và phí với tổng số tiền là: 62.799.000 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 12 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B) bắt đầu giai đoạn quá hạn từ ngày 21/03/2024, Ngân hàng chúng tôi đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà M.

Theo thỏa thuận hợp đồng, bà M vay theo hình thức thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 28/11/2023 đến 30/11/2026, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 35%/năm(2.92%/tháng), thay đổi theo từng thời kỳ, phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100,000 đồng) và lãi suất quá hạn áp dụng là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (tương ứng 52.50%/năm) khi vi phạm hợp đồng theo điểm g khoản 2 Điều 13 của Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của BV B1.

Bà M đã giao dịch mua hàng trong 9 lần, số tiền tổng nợ gốc bà M đã vay thẻ hiện qua các giao dịch các lần là: 92.699.000 đồng.

Quá trình vay, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 62.799.000 đồng. Trong đó thanh toán gốc là 62.699.000 đồng và phí là 100.000 đồng (Chi tiết theo bảng sao kê giao dịch đính kèm). Số tiền gốc bà M còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 30.000.000 đồng.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do bà M vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B nên chúng tôi buộc bà M phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Trà M phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 19/02/2025 số tiền là: 44.498.630 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*), trong đó nợ gốc là: 30.000.000 đồng, nợ lãi là: 14.498.630 đồng và đề nghị Tòa án buộc bà M tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/02/2025 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP B.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP B kính đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Trà M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 14.01.2026 là: 58.695.205 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 28.695.205 đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 15.01.2026 cho đến khi trả hết nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP B.

* Bị đơn – bà Trần Thị Trà M, mặc dù Tòa án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B buộc bà Trần Thị Trà M phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 14.01.2026 là: 58.695.205 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 28.695.205 đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 15.01.2026 cho đến khi trả hết nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát

phát biểu về việc tuân theo pháp pháp luật trong tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn bà Trần Thị Trà M là tranh chấp về dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trần Thị Trà M tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Trần Thị Trà M có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP B để sử dụng thẻ tín dụng. Hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng. Mục đích: Thanh toán, tiêu dùng; Phương thức phát hành thẻ: Thẻ được phát hành theo hình thức điện tử, thông qua hình thức trực tuyến, xác thực bằng sinh trắc học và mã OTP (Mật khẩu sử dụng lần) trên nền tảng ứng dụng của T2. Lãi suất áp dụng: Lãi suất cho vay trong hạn (lãi giao dịch): 35%/năm. Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất, phí dịch vụ được áp dụng theo Biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B ban hành tùy từng thời điểm. Biện pháp bảo đảm: tín chấp. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với các quy định pháp luật.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, đến tháng 21/3/2024 bà Trần Thị Trà M không thực hiện việc thanh toán vốn, lãi và phí theo cam kết cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế. Từ đó, dẫn đến khoản vay bị nợ quá hạn nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M vẫn không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ nêu trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP B: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà

Trần Thị Trà M phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.695.205 đồng (Từ ngày 21.3.2024 đến ngày 14.01.2026). Tổng số tiền là 58.695.205 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết là dạng Hợp đồng tín dụng thể hiện giao kết giữa Ngân hàng TMCP B với bà Trần Thị Trà M, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà M vi phạm thời hạn thanh toán và trong quá trình giải quyết vụ án, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B và buộc bà Trần Thị Trà M phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ tổng số tiền tính đến ngày xét xử là ngày 14/01/2026 là 58.695.205 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.695.205 đồng (Từ ngày 21.3.2024 đến ngày 14.01.2026). Ngoài ra buộc bà M phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15.01.2026 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng tại phiên toà là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Trà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 58.695.205 đồng x 5% = 2.934.760 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với bà Trần Thị Trà M về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Trần Thị Trà M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền tiền nợ gốc là 30.000.0000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2026 là 28.695.205 đồng. Tổng cộng là 58.695.205 đồng.

Bà Trần Thị Trà M còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà bà M đã ký kết với Ngân hàng TMCP B kể từ ngày 15/01/2026 cho đến khi tất toán xong khoản vay.

H lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.112.466 đồng theo Biên lai thu số 0006268 ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Đà Nẵng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Trà M phải chịu là 2.934.760 đồng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 3, TPĐà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Trương Thị Hồng Thuỷ

